

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 24/CBTT-CNTS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2026

V/v báo cáo không đủ điều kiện  
công ty đại chúng theo quy định.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Tên chứng khoán: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN  
Mã chứng khoán: SCO  
Trụ sở chính: 244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận, Tp. HCM, Việt Nam.  
Điện thoại: (84-028) 3 8 729 751- 38727181  
Fax: (84-028) 3 8 729 749  
Website: <http://www.seameco.com.vn>  
Email: [seameco@seameco.com.vn](mailto:seameco@seameco.com.vn)

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trương Tùng Hưng – TVHĐQT kiêm TGD.

Loại công bố thông tin:

Định kỳ [ ] 24h [ ] 72h [ ] Theo yêu cầu [ ] Khác [ ]

*Nội dung công bố thông tin:*

Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản xin trân trọng thông báo nội dung công văn số 24 /CBTT-CNTS ngày 12/03/2026 của Tổng giám đốc công ty v/v báo cáo tình trạng vốn chủ sở hữu của công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định pháp luật hiện hành.

*(Đính kèm Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025, CV số 1377/UBCK-GSDC ngày 13/02/2026 của Ban giám sát công ty đại chúng - UBCKNN).*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TK Cty.

**Người thực hiện công bố thông tin** *rel*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trương Tùng Hưng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *23* /CV-CNTS  
V/v Báo cáo không đủ điều kiện  
đáp ứng là công ty đại chúng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Ban Giám sát công ty đại chúng - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản (sau đây viết tắt là “Công ty”) xin báo cáo Ban Giám sát công ty đại chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 1377/UBCK-GSĐC ngày 13/2/2026 v/v báo cáo không đủ điều kiện công ty đại chúng, như sau:

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là **âm 72.947.942.489 đồng** (đính kèm Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025).

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, Công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng và thuộc diện xem xét hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 19/2025/TT-BTC.

Bằng văn bản này, Công ty xin báo cáo với Ban Giám sát công ty đại chúng - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình trạng Công ty không đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định của pháp luật.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở SGCK Hà Nội;
- HĐQT, BKS Cty;
- Lưu VT, T.ký Cty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**  
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trương Hùng Hưng*



**ECOVIS**<sup>®</sup>  
AFA VIETNAM

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
**ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD**

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Ward, Danang City, Vietnam  
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

## MỤC LỤC

|                                      | <b>Trang</b> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC            | 1 – 2        |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 3 – 4        |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  |              |
| Bảng cân đối kế toán                 | 5 – 6        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 8            |
| Bản Thuyết minh báo cáo tài chính    | 9 – 38       |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

| <u>Tên</u>             | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Thành Trung | Chủ tịch       |
| Ông Nguyễn Tấn Dũng    | Thành viên     |
| Ông Trương Tùng Hưng   | Thành viên     |
| Ông Đỗ Trung Chuyên    | Thành viên     |
| Ông Quách Tấn Hải      | Thành viên     |

#### Ban kiểm soát

| <u>Tên</u>                   | <u>Chức vụ</u> |                            |
|------------------------------|----------------|----------------------------|
| Bà Trần Thị Nguyệt Phụng     | Trưởng ban     | Bổ nhiệm ngày 15/04/2025   |
| Ông Võ Quốc Việt             | Trưởng ban     | Miễn nhiệm ngày 15/04/2025 |
| Ông Ngô Quốc Tùng            | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 15/04/2025   |
| Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa | Thành viên     |                            |

#### Tổng Giám đốc

| <u>Tên</u>           | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Ông Trương Tùng Hưng | Tổng Giám đốc  |

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Trương Tùng Hưng, Tổng Giám đốc.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit](http://www.ecovis.com/vietnam/audit)).

#### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ SỞ HỮU

Công ty có khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 72.947.942.489 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 80.688.106.867 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.



**Trương Tùng Hưng**

**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026



Số: 40/2026/BCKT-E.AFA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 03 năm 2026 từ trang 5 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### ***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

1. Như trình bày tại Thuyết minh 4.9, quyền sử dụng đất tại Trà Vinh (nay là Vĩnh Long) trị giá 865.000.000 VND, Công ty đang ghi nhận là Tài sản cố định vô hình nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên cá nhân là chưa phù hợp với quy định hiện hành.
2. Như trình bày tại Thuyết minh 4.10, tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2025 là 12.801.833.320 VND, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2025 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, kiểm toán viên không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

- Một số khoản nợ phải trả người bán số tiền 3.379.269.593 VND chưa nhận được phản hồi đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2025. Bằng các thủ tục kiểm toán và dựa trên các thông tin thu thập được chúng tôi không thể đánh giá được liệu các khoản công nợ phải trả nêu trên có hiện hữu, đầy đủ không và liệu có phải điều chỉnh gì liên quan đến giá trị khoản mục trên hay các khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính hay không.
- Như trình bày tại thuyết minh số 2.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 72.947.942.489 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 80.688.106.867 VND. Đồng thời, theo Thuyết minh 4.14, Công ty có các khoản nợ gốc và lãi vay đã quá hạn lần lượt là 10.000.000.000 VND và 57.205.362.978 VND nhưng chưa thực hiện gia hạn với ngân hàng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai, vì vậy các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục. Vào ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giả định hoạt động liên tục mà Công ty đưa ra. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Kim Văn Việt**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Người được ủy quyền

**Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2026

**Lê Văn Hoàng**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5399-2025-240-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Mẫu số B 01 –DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| <b>TÀI SẢN</b>                               | <b>Mã số</b> | <b>TM</b>   | <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>Tại ngày 01/01/2025</b> |
|--|--------------|-------------|----------------------------|----------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b>   |             | <b>6.015.253.676</b>       | <b>2.764.595.270</b>       |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b>   | <b>4.1</b>  | <b>2.527.481.882</b>       | <b>653.053.080</b>         |
| 1. Tiền                                      | 111          |             | 1.026.207.909              | 653.053.080                |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112          |             | 1.501.273.973              | -                          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b>   |             | -                          | -                          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b>   |             | <b>769.223.996</b>         | <b>938.165.171</b>         |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131          | 4.2         | 101.427.266.571            | 101.697.959.169            |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132          | 4.3         | 55.987.200                 | -                          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136          | 4.4         | 19.099.315.081             | 19.083.974.105             |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137          | 4.5         | (119.813.344.856)          | (119.843.768.103)          |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b>   | <b>4.6</b>  | <b>808.123.332</b>         | <b>613.955.330</b>         |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141          |             | 4.364.436.114              | 4.051.970.466              |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149          |             | (3.556.312.782)            | (3.438.015.136)            |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b>   |             | <b>1.910.424.466</b>       | <b>559.421.689</b>         |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151          | 4.7         | 23.540.929                 | 545.226.995                |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153          | 4.13        | 1.886.883.537              | 14.194.694                 |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b>   |             | <b>7.740.164.378</b>       | <b>8.210.408.927</b>       |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b>   |             | -                          | -                          |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b>   |             | <b>2.773.099.594</b>       | <b>3.293.121.015</b>       |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221          | 4.8         | 1.908.099.594              | 2.428.121.015              |
| Nguyên giá                                   | 222          |             | 48.529.748.284             | 48.529.748.284             |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223          |             | (46.621.648.690)           | (46.101.627.269)           |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227          | 4.9         | 865.000.000                | 865.000.000                |
| Nguyên giá                                   | 228          |             | 865.000.000                | 865.000.000                |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229          |             | -                          | -                          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              | <b>230</b>   |             | -                          | -                          |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b>   |             | -                          | -                          |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b>   | <b>4.10</b> | <b>4.889.250.613</b>       | <b>4.889.250.613</b>       |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253          |             | 12.801.833.320             | 12.801.833.320             |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         | 254          |             | (7.912.582.707)            | (7.912.582.707)            |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b>   |             | <b>77.814.171</b>          | <b>28.037.299</b>          |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261          | 4.7         | 77.814.171                 | 28.037.299                 |
| 2. Tài sản dài hạn khác                      | 268          |             | -                          | -                          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b>   |             | <b>13.755.418.054</b>      | <b>10.975.004.197</b>      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Mẫu số B 01 - DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                               | Mã số      | TM          | Tại ngày 31/12/2025     | Tại ngày 01/01/2025     |
|---|------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                   | <b>300</b> |             | <b>86.703.360.543</b>   | <b>89.974.466.554</b>   |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                   | <b>310</b> |             | <b>86.703.360.543</b>   | <b>89.552.466.554</b>   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn          | 311        | 4.11        | 3.379.269.593           | 3.407.399.593           |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn    | 312        | 4.12        | 1.285.200               | 134.225.200             |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước  | 313        | 4.13        | 1.417.268.765           | 654.534.808             |
| 4. Phải trả người lao động              | 314        |             | 353.883.182             | 349.493.049             |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác               | 319        | 4.15        | 71.551.653.803          | 72.006.813.904          |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn    | 320        | 4.14        | 10.000.000.000          | 13.000.000.000          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                   | <b>330</b> |             | -                       | <b>422.000.000</b>      |
| 1. Phải trả người bán dài hạn           | 331        |             | -                       | -                       |
| 2. Phải trả dài hạn khác                | 337        | 4.15        | -                       | 422.000.000             |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                | <b>400</b> |             | <b>(72.947.942.489)</b> | <b>(78.999.462.357)</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                | <b>410</b> | <b>4.16</b> | <b>(72.947.942.489)</b> | <b>(78.999.462.357)</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu               | 411        |             | 42.000.000.000          | 42.000.000.000          |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết  | 411a       |             | 42.000.000.000          | 42.000.000.000          |
| Cổ phiếu ưu đãi                         | 411b       |             | -                       | -                       |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                 | 412        |             | 559.410.000             | 559.410.000             |
| 3. Cổ phiếu quỹ                         | 415        |             | (1.353.000.000)         | (1.353.000.000)         |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                | 418        |             | 4.162.286.263           | 4.162.286.263           |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối    | 421        |             | (118.316.638.752)       | (124.368.158.620)       |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a       |             | (124.368.158.620)       | (126.562.831.715)       |
| LNST chưa phân phối kỳ này              | 421b       |             | 6.051.519.868           | 2.194.673.095           |
| <b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>     | <b>430</b> |             | -                       | -                       |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>              | <b>440</b> |             | <b>13.755.418.054</b>   | <b>10.975.004.197</b>   |



Trương Tùng Hưng  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Vũ Văn Công  
 Kế toán trưởng

Vũ Văn Công  
 Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Mẫu số B 02 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | TM     | Năm 2025           | Năm 2024           |
|--|-------|--------|--------------------|--------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 5.1    | 24.319.474.038     | 19.887.809.695     |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |        | -                  | -                  |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |        | 24.319.474.038     | 19.887.809.695     |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 5.2    | 11.625.626.361     | 11.562.614.129     |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |        | 12.693.847.677     | 8.325.195.566      |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | 5.3    | 21.920.649         | 3.897.853          |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | 5.4    | 612.433.100        | 698.207.480        |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>                   | 23    |        | <i>612.433.100</i> | <i>698.207.480</i> |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | 5.5    | 2.485.329.456      | 2.393.527.640      |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 5.6    | 3.167.655.248      | 3.068.669.097      |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |        | 6.450.350.522      | 2.168.689.202      |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | 5.7    | 1.005.158.203      | 514.256.900        |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | 5.8    | 614                | 1.642.316          |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |        | 1.005.157.589      | 512.614.584        |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |        | 7.455.508.111      | 2.681.303.786      |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 51    | 5.9    | 1.403.988.243      | 486.630.691        |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                     | 52    |        | -                  | -                  |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |        | 6.051.519.868      | 2.194.673.095      |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | 4.16.5 | 1.489              | 540                |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | 4.16.6 | 1.489              | 540                |



**Trương Tùng Hưng**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

**Vũ Văn Công**  
**Kế toán trưởng**

**Vũ Văn Công**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Mẫu số B 03 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | TM  | Năm 2025               | Năm 2024               |
|---|-----------|-----|------------------------|------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                           |           |     |                        |                        |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                    | 01        |     | 24.491.467.184         | 20.057.898.413         |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ                         | 02        |     | (5.792.838.040)        | (3.522.820.341)        |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động  | 03        |     | (6.357.304.383)        | (5.650.881.032)        |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        |     | (1.300.000.000)        | (1.200.000.000)        |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 05        |     | (636.630.691)          | (698.476.328)          |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                    | 06        |     | 2.263.924.358          | 2.074.194.836          |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                   | 07        |     | (7.813.567.591)        | (8.526.532.632)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                        | <b>20</b> |     | <b>4.855.050.837</b>   | <b>2.533.382.916</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                              |           |     |                        |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21        |     | -                      | (52.250.000)           |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                      | 27        |     | 19.377.965             | 3.897.853              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                            | <b>30</b> |     | <b>19.377.965</b>      | <b>(48.352.147)</b>    |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                          |           |     |                        |                        |
| 1. Tiền thu từ đi vay   | 33        |     | -                      | -                      |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay  | 34        | 6.1 | (3.000.000.000)        | (3.400.000.000)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                         | <b>40</b> |     | <b>(3.000.000.000)</b> | <b>(3.400.000.000)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>   | <b>50</b> |     | <b>1.874.428.802</b>   | <b>(914.969.231)</b>   |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm  | 60        |     | 653.053.080            | 1.568.022.311          |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ                     | 61        |     | -                      | -                      |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>                                    | <b>70</b> |     | <b>2.527.481.882</b>   | <b>653.053.080</b>     |



Trương Tùng Hưng  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Vũ Văn Công  
Kế toán trưởng

Vũ Văn Công  
Người lập

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản tiền thân là Công ty Công nghiệp Thủy sản là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam Công ty Cổ phần – Seaprodex), được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 862/QĐ-BTS ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302166033 ngày 12 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần gần nhất vào ngày 11/02/2025.

Ngày 17 tháng 09 năm 2010, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường Upcom theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là SCO.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 42.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 39 (31/12/2024: 39).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi, chi tiết: đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh kho hàng, bến bãi;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp, chi tiết: Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, chi tiết: Sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ composite;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cầu cảng, Kinh doanh vận tải (thủy);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp ráp trị động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, kim loại khác.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**2.5. Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Công ty có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 vượt quá vốn chủ sở hữu số tiền là 72.947.942.489 VND và có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 80.688.106.867 VND.

Đồng thời, Công ty có các khoản nợ gốc và lãi vay đã quá hạn lần lượt là 10.000.000.000 VND và 57.205.362.978 VND nhưng chưa thực hiện gia hạn với ngân hàng. Tuy nhiên mỗi năm Công ty đều trả dần một phần gốc vay và lãi vay cho ngân hàng. Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng với kế hoạch hoạt động kinh doanh đang dần ổn định và có lãi như hiện nay, Công ty sẽ sớm trả hết nợ gốc và lãi vay quá hạn, cũng như sẽ tiếp tục làm việc với ngân hàng để gia hạn, tái cơ cấu lại các khoản vay của Công ty.

Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2025 không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc gia hạn, tái cơ cấu lại các hợp đồng vay liên quan. Theo đó, Công ty kỳ vọng có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo.

Dựa trên các cơ sở này, Tổng Giám đốc Công ty lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.3. Đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác*

*Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

*Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.4. Nợ phải thu**

*Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

*Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

**Năm 2025**

|                                  |            |
|----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa vật kiến trúc          | 5 - 50 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 3 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 3 - 28 năm |

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo thời gian sử dụng hữu ích.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

**3.8. Thuê tài sản**

***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.9. Cho thuê tài sản**

***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ 03 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ theo thời gian bảo hiểm trên hợp đồng.

#### **3.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### **3.12. Chi phí đi vay**

##### ***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **3.13. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **3.14. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### ***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.15. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ là chi phí đi vay vốn.

**3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.19. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Đối với hoạt động đóng tàu mới đánh bắt xa bờ: không chịu thuế GTGT;
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu khác chịu thuế 10% kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ và từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025 theo quy định tại Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.22. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.23. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|  | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt   | 37.686.034                    | 76.398.612                    |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                      | 988.521.875                   | 576.654.468                   |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 3 tháng) | 1.501.273.973                 | -                             |
| <b>Cộng</b>  | <b>2.527.481.882</b>          | <b>653.053.080</b>            |

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                                    | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long  | 91.086.800.435                | 91.086.800.435                |
| Công ty Cổ phần Biển Tây           | 5.517.074.662                 | 5.517.074.662                 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây | 2.308.272.667                 | 2.308.272.667                 |
| Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long    | 1.158.480.208                 | 1.158.480.208                 |
| Các khách hàng khác                | 1.356.638.599                 | 1.627.331.197                 |
| <b>Cộng</b>                        | <b>101.427.266.571</b>        | <b>101.697.959.169</b>        |

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH tư vấn XD Công trình Giao thông Đường thủy Quang Minh | 45.000.000                    | -                             |
| Đối tượng khác   | 10.987.200                    | -                             |
| <b>Cộng</b>  | <b>55.987.200</b>             | <b>-</b>                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.4. Phải thu khác**

|                           | Tại ngày 31/12/2025   |                       | Tại ngày 01/01/2025   |                       |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                           | VND                   |                       | VND                   |                       |
|                           | Giá gốc               | Dự phòng              | Giá gốc               | Dự phòng              |
| <b>Ngắn hạn:</b>          |                       |                       |                       |                       |
| Phải thu về thuế TNCN     | 18.213.999            | -                     | 8.134.984             | -                     |
| BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa | 236.033               | -                     | 480.756               | -                     |
| Lãi dự thu                | 2.542.684             | -                     | -                     | -                     |
| Tạm ứng                   | 2.964.000             | -                     | -                     | -                     |
| Công ty TNHH Vượt Sóng    | 26.852.123            | 26.852.123            | 26.852.123            | 26.852.123            |
| Công ty Cổ phần           |                       |                       |                       |                       |
| AQUAFEED Cửu Long         | 18.423.790.410        | 18.423.790.410        | 18.423.790.410        | 18.423.790.410        |
| Công ty Cổ phần Biển Tây  | 161.778.729           | 161.778.729           | 161.778.729           | 161.778.729           |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần |                       |                       |                       |                       |
| Biển Tây                  | 214.040.695           | 214.040.695           | 214.040.695           | 214.040.695           |
| Công ty Cổ phần Thiết bị  |                       |                       |                       |                       |
| máy Động Lực              | 70.501.000            | 70.501.000            | 70.501.000            | 70.501.000            |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật  |                       |                       |                       |                       |
| Xây dựng An Pha           | 178.395.408           | 178.395.408           | 178.395.408           | 178.395.408           |
| <b>Cộng</b>               | <b>19.099.315.081</b> | <b>19.075.358.365</b> | <b>19.083.974.105</b> | <b>19.075.358.365</b> |

**4.5. Nợ xấu**

|   | Tại ngày 31/12/2025    |                        | Tại ngày 01/01/2025    |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | VND                    |                        | VND                    |                        |
|   | Giá gốc                | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc                | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán | 119.813.344.856        | -                      | 119.952.027.678        | 108.259.575            |
| <b>Cộng</b>   | <b>119.813.344.856</b> | <b>-</b>               | <b>119.952.027.678</b> | <b>108.259.575</b>     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

|  | Tại ngày 31/12/2025    |                        |                   | Tại ngày 01/01/2025    |                        |                      |
|--|------------------------|------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
|  | Giá gốc                | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc                | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn    |
| <b>Tài khoản 131 "Phải thu khách hàng"</b> | <b>100.737.986.491</b> | -                      |                   | <b>100.876.669.313</b> | -                      |                      |
| Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long          | 91.086.800.435         | -                      | Trên 3 năm        | 91.086.800.435         | -                      | Trên 3 năm           |
| Công ty Cổ phần Biển Tây                   | 5.517.074.662          | -                      | Trên 3 năm        | 5.517.074.662          | -                      | Trên 3 năm           |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây         | 2.308.272.667          | -                      | Trên 3 năm        | 2.308.272.667          | -                      | Trên 3 năm           |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long            | 1.158.480.208          | -                      | Trên 3 năm        | 1.158.480.208          | -                      | Trên 3 năm           |
| Công ty Cổ phần Milli Group                | -                      | -                      |                   | 138.682.822            | 108.259.575            | Từ 6 tháng đến 1 năm |
| Các khách hàng khác                        | 667.358.519            | -                      | Trên 3 năm        | 667.358.519            | -                      | Trên 3 năm           |
| <b>Tài khoản 138 "Phải thu khác"</b>       | <b>19.075.358.365</b>  | -                      |                   | <b>19.075.358.365</b>  | -                      |                      |
| Công ty TNHH Vượt Sóng                     | 26.852.123             | -                      | Trên 3 năm        | 26.852.123             | -                      | Trên 3 năm           |
| Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long          | 18.423.790.410         | -                      | Trên 3 năm        | 18.423.790.410         | -                      | Trên 3 năm           |
| Công ty Cổ phần Biển Tây                   | 161.778.729            | -                      | Trên 3 năm        | 161.778.729            | -                      | Trên 3 năm           |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây         | 214.040.695            | -                      | Trên 3 năm        | 214.040.695            | -                      | Trên 3 năm           |
| Công ty Cổ phần Thiết bị máy Động lực      | 70.501.000             | -                      | Trên 3 năm        | 70.501.000             | -                      | Trên 3 năm           |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng An Pha   | 178.395.408            | -                      | Trên 3 năm        | 178.395.408            | -                      | Trên 3 năm           |
| <b>Cộng</b>                                | <b>119.813.344.856</b> | -                      |                   | <b>119.952.027.678</b> | <b>108.259.575</b>     |                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Hàng tồn kho**

|                                     | Tại ngày 31/12/2025  |                      | Tại ngày 01/01/2025  |                      |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|                                     | Giá gốc              | Dự phòng             | Giá gốc              | Dự phòng             |
| Nguyên liệu, vật liệu               | 269.905.155          | -                    | 263.052.351          | -                    |
| Công cụ, dụng cụ                    | 166.215              | -                    | 166.215              | -                    |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 419.754.315          | -                    | 114.141.471          | -                    |
| Hàng hóa                            | 3.674.610.429        | 3.556.312.782        | 3.674.610.429        | 3.438.015.136        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>4.364.436.114</b> | <b>3.556.312.782</b> | <b>4.051.970.466</b> | <b>3.438.015.136</b> |

Giá trị hàng tồn kho không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 2.491.633.962 VND.

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất tại thời điểm cuối năm là 1.182.976.467 VND, Công ty xác định giá trị có thể thu hồi số hàng tồn kho này là 118.297.647 VND

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

**4.7. Chi phí trả trước**

|  | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn:  |                               |                               |
| Chi phí sửa chữa   | 23.540.929                    | 338.857.777                   |
| Chi phí lập quy trình bảo trì, khảo sát đo sâu khu nước trước cầu cảng | -                             | 180.000.000                   |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ  | -                             | 26.369.218                    |
| Các khoản chi phí khác   | -                             | -                             |
| <b>Cộng</b>  | <b>23.540.929</b>             | <b>545.226.995</b>            |
| Dài hạn:   |                               |                               |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ  | 67.915.604                    | 11.027.305                    |
| Chi phí sửa chữa   | -                             | 4.725.647                     |
| Các khoản chi phí khác   | 9.898.567                     | 12.284.347                    |
| <b>Cộng</b>  | <b>77.814.171</b>             | <b>28.037.299</b>             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục                  | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc<br>thiết bị<br>VND | P/tiện vận tải<br>truyền dẫn<br>VND | Tài sản cố định<br>khác<br>VND | Cộng<br>VND           |
|----------------------------|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá:                |                                  |                            |                                     |                                |                       |
| Tại ngày 01/01/2025        | 41.007.744.534                   | 2.261.278.340              | 4.454.923.244                       | 805.802.166                    | 48.529.748.284        |
| Mua sắm trong năm          | -                                | -                          | -                                   | -                              | -                     |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>41.007.744.534</b>            | <b>2.261.278.340</b>       | <b>4.454.923.244</b>                | <b>805.802.166</b>             | <b>48.529.748.284</b> |
| Giá trị hao mòn lũy kế:    |                                  |                            |                                     |                                |                       |
| Tại ngày 01/01/2025        | 38.628.970.743                   | 2.211.931.116              | 4.454.923.244                       | 805.802.166                    | 46.101.627.269        |
| Khấu hao trong năm         | 511.313.093                      | 8.708.328                  | -                                   | -                              | 520.021.421           |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>39.140.283.836</b>            | <b>2.220.639.444</b>       | <b>4.454.923.244</b>                | <b>805.802.166</b>             | <b>46.621.648.690</b> |
| Giá trị còn lại:           |                                  |                            |                                     |                                |                       |
| Tại ngày 01/01/2025        | 2.378.773.791                    | 49.347.224                 | -                                   | -                              | 2.428.121.015         |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>1.867.460.698</b>             | <b>40.638.896</b>          | <b>-</b>                            | <b>-</b>                       | <b>1.908.099.594</b>  |

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 36.433.011.419 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 29.706.276 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

| Khoản mục                  | Quyền sử dụng đất<br>VND | Cộng<br>VND        |
|----------------------------|--------------------------|--------------------|
| Nguyên giá:                |                          |                    |
| Tại ngày 01/01/2025        | 865.000.000              | 865.000.000        |
| Mua trong năm              | -                        | -                  |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>865.000.000</b>       | <b>865.000.000</b> |
| Giá trị hao mòn lũy kế:    |                          |                    |
| Tại ngày 01/01/2025        | -                        | -                  |
| Khấu hao trong năm         | -                        | -                  |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>-</b>                 | <b>-</b>           |
| Giá trị còn lại:           |                          |                    |
| Tại ngày 01/01/2025        | 865.000.000              | 865.000.000        |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>865.000.000</b>       | <b>865.000.000</b> |

Tổng giá trị quyền sử dụng đất tại 31/12/2025 là 865.000.000 VND là giá trị các Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh (nay là Vĩnh Long) không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của Công ty. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Trà Vinh (nay là Vĩnh Long) đều đứng tên cá nhân chứ không phải tên Công ty.

Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.10. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

|   | Tại ngày 31/12/2025   |                |                      | Tại ngày 01/01/2025   |                |                      |
|---|-----------------------|----------------|----------------------|-----------------------|----------------|----------------------|
|   | Giá gốc               | Giá trị hợp lý | Dự phòng             | Giá gốc               | Giá trị hợp lý | Dự phòng             |
| Đầu tư dài hạn khác:                              |                       |                |                      |                       |                |                      |
| Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long                 | 7.203.840.000         |                | 7.203.840.000        | 7.203.840.000         |                | 7.203.840.000        |
| Công ty Cổ phần Biển Tây (*)                      | 4.835.000.000         |                | 213.742.707          | 4.835.000.000         |                | 213.742.707          |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 61 | 267.993.320           |                | -                    | 267.993.320           |                | -                    |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Máy Động Lực             | 445.000.000           |                | 445.000.000          | 445.000.000           |                | 445.000.000          |
| Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông              | 50.000.000            |                | 50.000.000           | 50.000.000            |                | 50.000.000           |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>12.801.833.320</b> |                | <b>7.912.582.707</b> | <b>12.801.833.320</b> |                | <b>7.912.582.707</b> |

(\*) Công ty chưa nhận được báo cáo từ nhiều năm nay, theo thông tin tra cứu trên mạng Tổng Cục Thuế thì hiện tại công ty này đã đóng cửa, ngưng hoạt động.

Cho đến thời điểm này Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2025 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | Tại ngày 31/12/2025<br>VND |                          | Tại ngày 01/01/2025<br>VND |                          |
|--|----------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
|  | Giá trị                    | Số có khả năng<br>trả nợ | Giá trị                    | Số có khả năng<br>trả nợ |
| Công ty TNHH Dịch vụ Máy &<br>Động cơ Đông Dương | 2.258.112.602              | 2.258.112.602            | 2.258.112.602              | 2.258.112.602            |
| Ban điều hành dự án Xi măng<br>Hạ Long           | 761.196.141                | 761.196.141              | 761.196.141                | 761.196.141              |
| Phải trả các đối tượng khác                      | 359.960.850                | 359.960.850              | 388.090.850                | 388.090.850              |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>3.379.269.593</b>       | <b>3.379.269.593</b>     | <b>3.407.399.593</b>       | <b>3.407.399.593</b>     |

**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                     | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND                                | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|---------------------|--|-------------------------------|
|                     | Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất dầu thực vật<br>Minh Huệ | -                             |
| Các khách hàng khác | 1.285.200  | 34.225.200                    |
| <b>Cộng</b>         | <b>1.285.200</b>   | <b>134.225.200</b>            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

|                             | Tại ngày 31/12/2025  |                      | Trong năm            |                       | Tại ngày 01/01/2025 |                    |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|
|                             | VND                  |                      | VND                  |                       | VND                 |                    |
|                             | Phải thu             | Phải nộp             | Phải nộp             | Đã nộp/<br>khấu trừ   | Phải thu            | Phải nộp           |
| Thuế giá trị gia tăng       | -                    | 142.966.523          | 2.244.565.506        | 2.257.948.116         | -                   | 156.349.133        |
| Thuế thu nhập cá nhân       | -                    | 20.313.999           | 43.413.999           | 34.654.984            | -                   | 11.554.984         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | -                    | 1.253.988.243        | 1.403.988.243        | 636.630.691           | -                   | 486.630.691        |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 1.886.883.537        | -                    | 6.287.396.331        | 8.160.085.174         | 14.194.694          | -                  |
| Lệ phí môn bài              | -                    | -                    | 3.000.000            | 3.000.000             | -                   | -                  |
| <b>Cộng</b>                 | <b>1.886.883.537</b> | <b>1.417.268.765</b> | <b>9.982.364.079</b> | <b>11.092.318.965</b> | <b>14.194.694</b>   | <b>654.534.808</b> |

**4.14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|   | Tại ngày              | Trong năm |                      | Tại ngày              |
|---|-----------------------|-----------|----------------------|-----------------------|
|   | 31/12/2025            | VND       |                      | 01/01/2025            |
|   | Giá trị               | Tăng      | Giảm                 | Giá trị               |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam<br>- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | 10.000.000.000        | -         | 3.000.000.000        | 13.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>10.000.000.000</b> | <b>-</b>  | <b>3.000.000.000</b> | <b>13.000.000.000</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn được chi tiết như sau:

|             | Tại ngày 31/12/2025   |                       | Tại ngày 01/01/2025   |                       |
|-------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|             | VND                   |                       | VND                   |                       |
|             | Gốc                   | Lãi                   | Gốc                   | Lãi                   |
| Vay         | 10.000.000.000        | 57.205.362.978        | 13.000.000.000        | 57.892.929.880        |
| <b>Cộng</b> | <b>10.000.000.000</b> | <b>57.205.362.978</b> | <b>13.000.000.000</b> | <b>57.892.929.880</b> |

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

|                           |   |
|---------------------------|---|
| Số hợp đồng               | : 1700-LAV-200303133  |
| Ngày hợp đồng             | : 01/07/2011  |
| Hợp đồng sửa đổi, bổ sung | : 25/09/2014 ( Kéo dài thời gian thanh toán đến 25/09/2017)   |
| Hạn mức vay               | : 72.000.000.000 VND  |
| Số dư nợ đến 31/12/2025   | : 10.000.000.000 VND  |
| Lãi suất                  | : Theo từng giấy nhận nợ  |
| Mục đích vay              | : Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, chi lương và các chi phí sản xuất, chi phí tài chính. Thanh toán L/C đến hạn và nhận nợ vay bắt buộc đối với chiết khấu chứng từ nếu nước ngoài từ chối nhận thanh toán, bảo lãnh. |
| Tài sản đảm bảo           | : Các lợi ích thu được từ việc khai thác và sử dụng nhà kho, nhà xưởng, bến tàu,... tọa lạc tại số 10F đường Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.   |

**4.15. Phải trả khác**

|  | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn:  |                               |                               |
| Kinh phí công đoàn   | -                             | 23.026.134                    |
| Tài sản thừa chờ xử lý   | 137.432.935                   | -                             |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn  | 2.323.678.440                 | 1.845.678.440                 |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông  | 25.179.450                    | 25.179.450                    |
| Công ty TNHH Mua bán Nợ Việt Nam   | 11.860.000.000                | 12.220.000.000                |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (Lãi vay)                  | 29.317.877.112                | 30.617.877.114                |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Lãi vay) | 27.887.485.866                | 27.275.052.766                |
| <b>Cộng</b>  | <b>71.551.653.803</b>         | <b>72.006.813.904</b>         |
| Dài hạn:   |                               |                               |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn   | -                             | 422.000.000                   |
| <b>Cộng</b>  | <b>-</b>                      | <b>422.000.000</b>            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                            | Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu |                                |                        |                                 |   | Cộng<br>VND             |
|----------------------------|------------------------------------|--------------------------------|------------------------|---------------------------------|---|-------------------------|
|                            | Vốn góp của<br>chủ sở hữu<br>VND   | Thặng dư<br>vốn cổ phần<br>VND | Cổ phiếu quỹ<br>VND    | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND |                         |
| Tại ngày 01/01/2024        | 42.000.000.000                     | 559.410.000                    | (1.353.000.000)        | 4.162.286.263                   | (126.562.831.715)                           | (81.194.135.452)        |
| Lãi trong năm trước        | -                                  | -                              | -                      | -                               | 2.194.673.095                               | 2.194.673.095           |
| Tại ngày 01/01/2025        | 42.000.000.000                     | 559.410.000                    | (1.353.000.000)        | 4.162.286.263                   | (124.368.158.620)                           | (78.999.462.357)        |
| Lãi trong năm nay          | -                                  | -                              | -                      | -                               | 6.051.519.868                               | 6.051.519.868           |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>42.000.000.000</b>              | <b>559.410.000</b>             | <b>(1.353.000.000)</b> | <b>4.162.286.263</b>            | <b>(118.316.638.752)</b>                    | <b>(72.947.942.489)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|  | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần Ông Quách Tấn Hải | 19.470.000.000                | 19.470.000.000                |
| Các cổ đông khác   | 4.380.000.000                 | 4.380.000.000                 |
| Cổ phiếu quỹ   | 16.797.000.000                | 16.797.000.000                |
|  | 1.353.000.000                 | 1.353.000.000                 |
| <b>Cộng</b>  | <b>42.000.000.000</b>         | <b>42.000.000.000</b>         |

**4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

|                         | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND       |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vốn góp đầu năm         | 42.000.000.000        | 42.000.000.000        |
| Vốn góp tăng trong năm  | -                     | -                     |
| Vốn góp giảm trong năm  | -                     | -                     |
| <b>Vốn góp cuối năm</b> | <b>42.000.000.000</b> | <b>42.000.000.000</b> |

**4.16.4. Cổ phiếu**

|   | Tại ngày<br>31/12/2025 | Tại ngày<br>01/01/2025 |
|---|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành             | 4.200.000              | 4.200.000              |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng          | 4.200.000              | 4.200.000              |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                       | 4.200.000              | 4.200.000              |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)</i> | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)   | 135.300                | 135.300                |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                       | 135.300                | 135.300                |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)</i> | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                 | 4.064.700              | 4.064.700              |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                       | 4.064.700              | 4.064.700              |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)</i> | -                      | -                      |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16.5.Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|  | <b>Năm 2025</b><br><b>VND</b> | <b>Năm 2024</b><br><b>VND</b> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Lãi sau thuế của cổ đông Công ty                         | 6.051.519.868                 | 2.194.673.095                 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                          | -                             | -                             |
| Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu            | <u>6.051.519.868</u>          | <u>2.194.673.095</u>          |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm | 4.064.700                     | 4.064.700                     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                          | <b><u>1.489</u></b>           | <b><u>540</u></b>             |

**4.16.6.Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

|  | <b>Năm 2025</b><br><b>VND</b> | <b>Năm 2024</b><br><b>VND</b> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Lãi sau thuế của cổ đông Công ty                         | 6.051.519.868                 | 2.194.673.095                 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                          | -                             | -                             |
| Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu          | <u>6.051.519.868</u>          | <u>2.194.673.095</u>          |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm | 4.064.700                     | 4.064.700                     |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm  | -                             | -                             |
| Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu     | <u>4.064.700</u>              | <u>4.064.700</u>              |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                        | <b><u>1.489</u></b>           | <b><u>540</u></b>             |

**4.16.7.Các quỹ của doanh nghiệp**

|                            | <b>Quỹ đầu tư<br/>phát triển</b><br><b>VND</b> |
|----------------------------|--|
| Tại ngày 01/01/2025        | 4.162.286.263                                  |
| Trích trong năm            | -  |
| Chi trong năm              | -  |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b><u>4.162.286.263</u></b>                    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|   | <b>Năm 2025<br/>VND</b> | <b>Năm 2024<br/>VND</b> |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ cảng   | 16.936.305.678          | 15.586.943.607          |
| Doanh thu đóng, sửa chữa thuyền xí nghiệp đóng tàu                                      | 7.383.168.360           | 4.300.866.088           |
| <b>Cộng</b>   | <b>24.319.474.038</b>   | <b>19.887.809.695</b>   |
| Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8 | 36.000.000              | 188.031.100             |

**5.2. Giá vốn hàng bán**

|  | <b>Năm 2025<br/>VND</b> | <b>Năm 2024<br/>VND</b> |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Giá vốn của dịch vụ cảng đã cung cấp             | 7.424.294.470           | 9.066.501.732           |
| Giá vốn đóng, sửa chữa thuyền xí nghiệp đóng tàu | 4.083.034.245           | 2.176.489.196           |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 118.297.646             | 319.623.201             |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>11.625.626.361</b>   | <b>11.562.614.129</b>   |

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|              | <b>Năm 2025<br/>VND</b> | <b>Năm 2024<br/>VND</b> |
|--------------|-------------------------|-------------------------|
| Lãi tiền gửi | 21.920.649              | 3.897.853               |
| <b>Cộng</b>  | <b>21.920.649</b>       | <b>3.897.853</b>        |

**5.4. Chi phí tài chính**

|                 | <b>Năm 2025<br/>VND</b> | <b>Năm 2024<br/>VND</b> |
|-----------------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí lãi vay | 612.433.100             | 698.207.480             |
| <b>Cộng</b>     | <b>612.433.100</b>      | <b>698.207.480</b>      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí bán hàng**

|                           | <b>Năm 2025</b>      | <b>Năm 2024</b>      |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
|                           | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Chi phí nhân viên         | 2.261.387.261        | 1.983.593.407        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.440.000           | 36.120.000           |
| Chi phí bằng tiền khác    | 210.502.195          | 373.814.233          |
| <b>Cộng</b>               | <b>2.485.329.456</b> | <b>2.393.527.640</b> |

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|  | <b>Năm 2025</b>      | <b>Năm 2024</b>      |
|--|----------------------|----------------------|
|  | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Chi phí nhân viên quản lý                | 2.021.062.928        | 1.965.341.408        |
| Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng        | 235.222.927          | 153.889.249          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định         | 14.399.820           | 64.273.883           |
| Dự phòng / hoàn nhập nợ phải thu khó đòi | (30.423.247)         | 116.023.197          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                | 358.367.750          | 309.808.464          |
| Chi phí bằng tiền khác                   | 569.025.070          | 459.332.896          |
| <b>Cộng</b>                              | <b>3.167.655.248</b> | <b>3.068.669.097</b> |

**5.7. Thu nhập khác**

|  | <b>Năm 2025</b>      | <b>Năm 2024</b>    |
|--|----------------------|--------------------|
|  | <b>VND</b>           | <b>VND</b>         |
| Xử lý công nợ                                    | 401                  | 50.317.423         |
| Tiền thuê đất, thuê mặt nước năm trước được giảm | 1.005.157.783        | 463.918.976        |
| Thu nhập khác                                    | 19                   | 20.501             |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>1.005.158.203</b> | <b>514.256.900</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.8. Chi phí khác**

|                        | <b>Năm 2025</b><br><b>VND</b> | <b>Năm 2024</b><br><b>VND</b> |
|------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Các khoản phạt về thuế | -                             | 1.642.191                     |
| Các khoản khác         | 614                           | 125                           |
| <b>Cộng</b>            | <b>614</b>                    | <b>1.642.316</b>              |

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|  | <b>Năm 2025</b><br><b>VND</b> | <b>Năm 2024</b><br><b>VND</b> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm               | 7.455.508.111                 | 2.681.303.786                 |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng                      | 864.433.100                   | 951.849.671                   |
| - <i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i> | <i>252.000.000</i>            | <i>252.000.000</i>            |
| - <i>Chi phí lãi vay không hợp lý, hợp lệ</i>        | <i>612.433.100</i>            | <i>698.207.480</i>            |
| - <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác</i>           | -                             | <i>1.642.191</i>              |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm                       | 1.300.000.000                 | 1.200.000.000                 |
| - <i>Chi phí lãi vay năm trước đã thanh toán</i>     | <i>1.300.000.000</i>          | <i>1.200.000.000</i>          |
| Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang                        | -                             | -                             |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh           | 7.019.941.211                 | 2.433.153.457                 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 20%                           | 20%                           |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>                   | <b>1.403.988.243</b>          | <b>486.630.691</b>            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <b>Năm 2025</b>       | <b>Năm 2024</b>       |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 1.546.689.471         | 874.645.299           |
| Chi phí nhân công                | 6.580.641.538         | 5.794.230.866         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 520.021.421           | 583.292.373           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 3.648.237.327         | 1.594.149.472         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 5.200.759.753         | 7.003.828.120         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>17.496.349.510</b> | <b>15.850.146.130</b> |

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

|  | <b>Năm 2025</b>      | <b>Năm 2024</b>      |
|--|----------------------|----------------------|
|  | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 3.000.000.000        | 3.400.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>3.000.000.000</b> | <b>3.400.000.000</b> |

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Căn cứ vào thực tế hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc phân chia các hoạt động của Công ty thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực Dịch vụ Cảng
- Lĩnh vực đóng tàu, sửa chữa tàu và dịch vụ khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

|                                     | Dịch vụ cảng          |                       | Dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu, khác |                      | Tổng cộng             |                       |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                     | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND       | Năm 2025<br>VND                      | Năm 2024<br>VND      | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND       |
| <b>Doanh thu</b>                    |                       |                       |                                      |                      |                       |                       |
| Từ khách hàng bên ngoài             | 16.936.305.678        | 15.586.943.607        | 7.383.168.360                        | 4.300.866.088        | 24.319.474.038        | 19.887.809.695        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>16.936.305.678</b> | <b>15.586.943.607</b> | <b>7.383.168.360</b>                 | <b>4.300.866.088</b> | <b>24.319.474.038</b> | <b>19.887.809.695</b> |
| <b>Chi phí kinh doanh</b>           |                       |                       |                                      |                      |                       |                       |
| Giá vốn hàng bán                    | 7.424.294.470         | 9.066.501.732         | 4.201.331.891                        | 2.496.112.397        | 11.625.626.361        | 11.562.614.129        |
| Chi phí bán hàng                    | 1.730.806.321         | 1.875.911.974         | 754.523.135                          | 517.615.666          | 2.485.329.456         | 2.393.527.640         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp        | 2.205.984.286         | 2.405.049.772         | 961.670.962                          | 663.619.325          | 3.167.655.248         | 3.068.669.097         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>11.361.085.076</b> | <b>13.347.463.478</b> | <b>5.917.525.989</b>                 | <b>3.677.347.388</b> | <b>17.278.611.065</b> | <b>17.024.810.866</b> |
| <b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b> | <b>5.575.220.602</b>  | <b>2.239.480.129</b>  | <b>1.465.642.371</b>                 | <b>623.518.700</b>   | <b>7.040.862.973</b>  | <b>2.862.998.829</b>  |
| Doanh thu hoạt động tài chính       |                       |                       |                                      |                      | 21.920.649            | 3.897.853             |
| Chi phí tài chính                   |                       |                       |                                      |                      | 612.433.100           | 698.207.480           |
| Thu nhập thuần khác                 |                       |                       |                                      |                      | 1.005.157.589         | 512.614.584           |
| <b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>    |                       |                       |                                      |                      | <b>7.455.508.111</b>  | <b>2.681.303.786</b>  |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành         |                       |                       |                                      |                      | 1.403.988.243         | 486.630.691           |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại          |                       |                       |                                      |                      | -                     | -                     |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>           |                       |                       |                                      |                      | <b>6.051.519.868</b>  | <b>2.194.673.095</b>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

|                         | Dịch vụ cảng                  |                               | Dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu, khác |                               | Tổng cộng                     |                               |
|-------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                         | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND        | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
| Tài sản của bộ phận     | 9.579.399.806                 | 8.601.589.322                 | 4.176.018.248                        | 2.373.414.875                 | 13.755.418.054                | 10.975.004.197                |
| <b>Tổng tài sản</b>     |                               |                               |                                      |                               | <b>13.755.418.054</b>         | <b>10.975.004.197</b>         |
| Nợ phải trả của bộ phận | 60.381.018.733                | 70.516.912.508                | 26.322.341.810                       | 19.457.554.046                | 86.703.360.543                | 89.974.466.554                |
| <b>Tổng nợ phải trả</b> |                               |                               |                                      |                               | <b>86.703.360.543</b>         | <b>89.974.466.554</b>         |

|                  | Dịch vụ cảng    |                 | Dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu, khác |                 | Tổng cộng       |                 |
|------------------|-----------------|-----------------|--------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|                  | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND | Năm 2025<br>VND                      | Năm 2024<br>VND | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
| Chi phí khấu hao | 362.147.706     | 457.151.665     | 157.873.715                          | 126.140.708     | 520.021.421     | 583.292.373     |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |   |                                |
|---|--------------------------------|
| 1. Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần | Công ty đầu tư                 |
| 2. Công ty Cổ phần Milli Group                      | Chung nhân sự quản lý chủ chốt |
| 3. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc               | Nhân sự quản lý chủ chốt       |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

|                                | <b>Tại ngày<br/>31/12/2025<br/>VND</b> | <b>Tại ngày<br/>01/01/2025<br/>VND</b> |
|--------------------------------|--|--|
| <b>Phải thu khách hàng</b>     |  |  |
| Công ty Cổ phần Milli Group    | -                                      | 138.682.822                            |
| <b>Cộng - Xem thêm mục 4.2</b> | <b>-</b>                               | <b>138.682.822</b>                     |

Trong năm Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

|  | <b>Năm 2025<br/>VND</b> | <b>Năm 2024<br/>VND</b> |
|--|-------------------------|-------------------------|
| <b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>             |                         |                         |
| Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần | 36.000.000              | 36.000.000              |
| Công ty Cổ phần Milli Group                      | -                       | 152.031.100             |
| <b>Cộng- Xem thêm mục 5.1</b>                    | <b>36.000.000</b>       | <b>188.031.100</b>      |
|  | <b>Năm 2025<br/>VND</b> | <b>Năm 2024<br/>VND</b> |
| <b>Mua hàng</b>                                  |                         |                         |
| Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần | -                       | 2.348.000               |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>-</b>                | <b>2.348.000</b>        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

| Họ và tên                    | Chức danh  | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
|------------------------------|--|-----------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Thành Trung       | Chủ tịch HĐQT  | 60.000.000      | 60.000.000      |
| Ông Nguyễn Tấn Dũng          | Thành viên HĐQT                                      | 36.000.000      | 36.000.000      |
| Ông Trương Tùng Hưng         | Thành viên HĐQT                                      | 36.000.000      | 36.000.000      |
| Ông Đỗ Trung Chuyên          | Thành viên HĐQT                                      | 36.000.000      | 36.000.000      |
| Ông Quách Tấn Hải            | Thành viên HĐQT                                      | 36.000.000      | 36.000.000      |
| Bà Trần Thị Nguyệt Phụng     | Trưởng ban kiểm soát<br>(Bổ nhiệm ngày 15/04/2025)   | 32.500.000      | 24.000.000      |
| Ông Võ Quốc Việt             | Trưởng ban kiểm soát<br>(Miễn nhiệm ngày 15/04/2025) | 10.500.000      | 36.000.000      |
| Ông Ngô Quốc Tùng            | Thành viên BKS<br>(Bổ nhiệm ngày 15/04/2025)         | 17.000.000      | -               |
| Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa | Thành viên BKS                                       | 24.000.000      | 24.000.000      |

Tiền lương thưởng, thu nhập khác của Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

| Họ và tên            | Chức danh     | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
|----------------------|---------------|-----------------|-----------------|
| Ông Trương Tùng Hưng | Tổng Giám đốc | 322.644.000     | 314.235.000     |

**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG*****Công ty là bên cho thuê***

Công ty cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn từ 1 đến 3 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

|   | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND       |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm | 16.936.305.678        | 15.586.943.607        |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>16.936.305.678</b> | <b>15.586.943.607</b> |

***Công ty là bên đi thuê***

Công ty thuê đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất số 6953/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/08/2008 (Diện tích: 20.731,4 m<sup>2</sup>; địa chỉ: số 10F đường Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh; thời hạn thuê: từ ngày 13/09/2004 đến hết ngày 31/12/2045) và Hợp đồng thuê đất số 1176/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 24/02/2009 (Diện tích: 14.604,9 m<sup>2</sup>; địa chỉ: số 10F đường Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh; thời hạn thuê: bao gồm phần diện tích 1.477,3 m<sup>2</sup> được thuê và sử dụng cho đến khi Nhà nước quy hoạch, phần diện tích 13.127,6 m<sup>2</sup> có thời hạn đến hết ngày 31/12/2021 và Công ty đang làm thủ tục gia hạn).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



\_\_\_\_\_  
**Trương Tùng Hưng**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

\_\_\_\_\_  
**Vũ Văn Công**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Vũ Văn Công**  
Người lập



